

Số: 69/2024/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 03 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường;

Căn cứ Thông tư số 33/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định về kinh phí đầu tư xây dựng, duy trì, nâng cấp, quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu về giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 3085/TTr-STC ngày 05 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 10 năm 2024 và thay thế Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các cơ quan, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Tài chính;
- Cục KT VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VP: CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NN, TC, NĐ.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Quý Phương

QUY ĐỊNH

Phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

(Kèm theo Quyết định số 69/2024/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phân công tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh theo nhiệm vụ được quy định tại Luật Giá số 16/2023/QH15 và các văn bản hướng dẫn.

2. Những nội dung về quản lý của Nhà nước không quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định tại Luật Giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, đơn vị được phân công thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Phân công nhiệm vụ quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là UBND tỉnh) là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. UBND tỉnh quyết định phân công nhiệm vụ tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh, như sau:

1. Sở Tài chính là cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp UBND tỉnh tổ chức thực hiện toàn diện các nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh, theo quy định tại Điều 16 của Luật Giá và các văn bản hướng dẫn pháp luật về giá;

2. Các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh là các cơ quan tham mưu, giúp UBND tỉnh tổ chức thực hiện toàn diện các nhiệm vụ,

quyền hạn quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá đối với hàng hóa, dịch vụ trong từng ngành, lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ đã được UBND tỉnh giao theo Quy định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế (sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện) là cơ quan hành chính nhà nước có trách nhiệm tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giá tại địa phương mình theo quy định của pháp luật và quyết định phân công tại quy định này.

4. Cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giá tại ngành, lĩnh vực, địa phương theo phân công của UBND tỉnh, có thẩm quyền quyết định, phân công nhiệm vụ cho từng cơ quan chuyên môn trực thuộc cấp, ngành đang quản lý để tham mưu giúp UBND cấp huyện, Cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước về giá theo phân công của UBND tỉnh tại Quy định này và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1. BÌNH ỔN GIÁ

Điều 4. Điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá

Trong trường hợp cần thiết phải đề nghị điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, UBND tỉnh giao trách nhiệm:

1. Các Cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện

a) Đánh giá sự cần thiết của việc đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật Giá và khoản 1 Điều 4 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

b) Thực hiện các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

c) Tham mưu UBND tỉnh tổ chức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ cần điều chỉnh tại Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá.

d) Chuẩn bị hồ sơ đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá gửi Sở Tài chính tổng hợp trình UBND tỉnh. Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

2. Sở Tài chính

a) Phối hợp, hướng dẫn các cơ quan liên quan thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục đề nghị điều chỉnh Danh mục dịch vụ, hàng hóa bình ổn giá.

b) Xem xét, đánh giá sự cần thiết đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá.

c) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá gửi Bộ Tài chính.

Điều 5. Tổ chức thực hiện bình ổn giá theo Khoản 1 Điều 20 Luật Giá

Trên cơ sở chủ trương bình ổn giá của Chính phủ và nội dung triển khai, hướng dẫn của các Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực cho UBND cấp tỉnh, UBND tỉnh phân công:

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh có liên quan và UBND cấp huyện:

a) Tham mưu UBND tỉnh triển khai các nội dung hướng dẫn của các Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực về thực hiện bình ổn giá trên địa bàn tỉnh theo đúng yêu cầu, tiến độ quy định.

b) Kiểm tra yếu tố hình thành giá thực hiện theo quy định tại Điều 31, Điều 32, Điều 33 của Luật Giá hoặc yêu cầu doanh nghiệp báo cáo một số yếu tố hình thành giá theo yêu cầu của các Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực về thực hiện bình ổn giá.

c) Tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện bình ổn giá trên địa bàn tỉnh cho các Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định.

2. Cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan và UBND cấp huyện:

a) Tổ chức kiểm soát hàng hóa tồn kho của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của các Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực về thực hiện bình ổn giá.

b) Đánh giá cung cầu hàng hóa, dịch vụ để xác định nguyên nhân, làm cơ sở cho việc lựa chọn áp dụng biện pháp, thời hạn và phạm vi bình ổn giá phù hợp theo yêu cầu của các Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực về thực hiện bình ổn giá.

c) Báo cáo kết quả thực hiện điểm a, điểm b khoản này gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định.

Điều 6. Tổ chức thực hiện bình ổn giá theo điểm a khoản 2 Điều 20 Luật Giá

1. Sở Tài chính chủ trì tham mưu UBND tỉnh phân công cho các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo phân công của Chính phủ; Tổng hợp báo cáo kết quả triển khai thực hiện theo quy định của Chính phủ.

2. Các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện tổ chức triển khai các nhiệm vụ được UBND tỉnh phân công và gửi báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Điều 7. Tổ chức thực hiện bình ổn giá theo điểm b khoản 2 Điều 20 Luật Giá

1. Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 Luật Giá và khoản 2 Điều 6 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

2. Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Chính phủ và gửi Bộ Tài chính về kết quả bình ổn giá.

Mục 2. ĐỊNH GIÁ

Điều 8. Điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá

Trong trường hợp cần thiết phải đề nghị điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, UBND tỉnh giao trách nhiệm:

1. Các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện (nếu có)

a) Đánh giá sự cần thiết của việc đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật Giá và khoản 1 Điều 8 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

b) Thực hiện các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

c) Chuẩn bị hồ sơ đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá gửi Sở Tài chính tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

2. Sở Tài chính

a) Phối hợp, hướng dẫn các cơ quan liên quan thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.

b) Xem xét, đánh giá sự cần thiết đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.

c) Trình UBND tỉnh hồ sơ đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá gửi Bộ Tài chính.

Điều 9. Lập, thẩm định, điều chỉnh phương án giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện (nếu có) được phân công thẩm định phương án giá tại khoản 2 Điều này tổ chức việc lựa chọn cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá.

2. Các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện (nếu có) thực hiện thẩm định phương án giá đối với hàng hóa dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh theo Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện (nếu có) được phân công thẩm định phương án giá tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh giá; thẩm định phương án giá điều chỉnh và trình văn bản điều chỉnh giá.

4. Việc lập, thẩm định, điều chỉnh phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ khác (phát sinh sau khi Quyết định này có hiệu lực) thì thực hiện theo sự phân công của UBND tỉnh và quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

Điều 10. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ do UBND tỉnh định giá

Các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện (nếu có) được phân công thẩm định phương án giá quy định tại Điều 9 Quy định này có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền để quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (tên gọi chi tiết, chủng loại cụ thể hoặc đặc điểm cơ bản của hàng hóa, dịch vụ) trên cơ sở tên gọi chung của hàng hóa, dịch vụ trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá (ngoại trừ sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo phương thức đặt hàng, hàng dự trữ quốc gia và các hàng hóa, dịch vụ đã có quy định về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật tại pháp luật có liên quan), phù hợp với yêu cầu công tác quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh.

Mục 3. KÊ KHAI GIÁ

Điều 11. Danh mục hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai giá

1. Danh mục hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai giá tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Trường hợp cần thiết phải đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá, UBND tỉnh giao trách nhiệm:

a) Các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện

- Thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 15 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

- Chuẩn bị hồ sơ đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá gửi Sở Tài chính tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

b) Sở Tài chính

- Phối hợp, hướng dẫn các cơ quan liên quan thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục đề nghị điều chỉnh Danh mục dịch vụ, hàng hóa thực hiện kê khai giá.

- Xem xét, đánh giá sự cần thiết đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá.

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá gửi Bộ Tài chính trình Chính Phủ.

Điều 12. Cơ quan tiếp nhận và đối tượng thực hiện kê khai giá

1. Các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện thực hiện tiếp nhận kê khai giá theo phân công tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện được phân công tiếp nhận kê khai giá có trách nhiệm rà soát tổng thể, thống kê và lựa chọn các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh mà không có tên trong Danh sách kê khai giá của Bộ, cơ quan ngang bộ đã ban hành; việc lựa chọn tổ chức kinh doanh phải thực hiện kê khai giá thuộc ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý gửi về Sở Tài chính trước ngày 31 tháng 01 hàng năm để Sở Tài chính tổng hợp tham mưu UBND tỉnh ban hành Danh sách kê khai giá thuộc thẩm quyền tiếp nhận của UBND tỉnh.

3. Sở Tài chính chủ trì, hướng dẫn, đôn đốc, phối hợp với các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện rà soát tổng thể tham mưu UBND tỉnh ban hành Danh sách kê khai giá thuộc thẩm quyền tiếp nhận của UBND tỉnh, trước ngày 15 tháng 02 hàng năm. Trường hợp trong năm phát sinh yêu cầu cần điều chỉnh Danh sách kê khai giá thì các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện rà soát gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh ban hành Danh sách kê khai giá bổ sung.

4. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ kê khai giá

a) Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục thực hiện kê khai giá trên phạm vi cả nước thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp chưa có quy định thì các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực theo thẩm quyền tiếp nhận kê khai giá, đảm bảo phù hợp với yêu cầu công tác quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh.

b) Cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện (nếu có) được UBND tỉnh phân công tiếp nhận kê khai giá có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh ban hành quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương được quy định tại Phụ lục V Nghị định số 85/2024/NĐ-CP và Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

Mục 4. KIỂM TRA YẾU TỐ HÌNH THÀNH GIÁ

Điều 13. Theo dõi biến động bất thường về giá hàng hóa dịch vụ

Các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện được phân công quản lý nhà nước về giá theo ngành, lĩnh vực, địa bàn phải thường xuyên theo dõi và kịp thời phát hiện những biến động bất thường về giá hàng hóa, dịch vụ có khả năng ảnh hưởng đến kinh tế-xã hội, hoạt động sản xuất, kinh doanh, đời sống người dân, mặt bằng giá thị trường, đặc biệt xảy ra khi tình trạng khẩn cấp, sự cố, thảm họa, thiên tai, dịch bệnh; có trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh về những biến động bất thường về giá hàng hóa dịch vụ và đề xuất UBND tỉnh kịp thời xem xét quyết định thực hiện các giải pháp, biện pháp theo thẩm quyền quản lý, điều tiết giá phù hợp.

Điều 14. Phân công nhiệm vụ kiểm tra yếu tố hình thành giá

1. Sở Tài chính là cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra yếu tố hình thành giá theo quyết định, chỉ đạo của UBND tỉnh.

2. Các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh có trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin, cử cán bộ công chức có chuyên môn thuộc ngành, lĩnh vực quản lý tham gia thực hiện nhiệm vụ kiểm tra yếu tố hình thành giá khi có yêu cầu của Sở Tài chính trên cơ sở quyết định, chỉ đạo của UBND tỉnh.

3. UBND cấp huyện có trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin, cử cán bộ công chức quản lý địa bàn, khu vực tham gia thực hiện nhiệm vụ kiểm tra yếu tố hình thành giá khi có yêu cầu của Sở Tài chính trên cơ sở quyết định, chỉ đạo của UBND tỉnh.

Mục 5. TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH, DỰ BÁO

GIÁ THỊ TRƯỜNG ĐỊA PHƯƠNG

Điều 15. Phân công thực hiện nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo và báo cáo giá thị trường địa phương, báo cáo giá thị trường chuyên ngành.

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường tổng hợp định kỳ của địa phương, báo cáo giá thị trường đột xuất báo cáo UBND tỉnh trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài chính.

2. Các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện, các cơ quan có liên quan thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản lý báo cáo UBND tỉnh trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và Bộ Tài chính khi có yêu cầu; gửi báo cáo định kỳ, đột xuất cho Sở Tài chính theo quy định tại Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

3. Các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường thuộc địa bàn quản lý gửi Sở Tài chính tổng hợp báo cáo UBND tỉnh định kỳ, đột xuất theo quy định tại Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

Đối với báo cáo giá thị trường định kỳ gửi Sở Tài chính tổng hợp theo thời hạn quy định như sau:

a) Định kỳ ngày cuối cùng hàng tháng, quý, năm thực hiện tổng hợp số liệu báo cáo giá thị trường trên địa bàn, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

b) Gửi báo cáo giá thị trường về Sở Tài chính trước ngày 01 của tháng tiếp theo sau tháng kỳ báo cáo đối với báo cáo tháng và trước ngày 03 của tháng tiếp theo sau tháng cuối cùng của kỳ báo cáo đối với báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm;

c) Trường hợp có biến động bất thường về giá hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thực hiện báo cáo đột xuất về tình hình biến động giá của một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu tại địa phương gửi cơ quan có thẩm quyền đồng thời gửi Sở Tài chính tổng hợp.

4. Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh báo cáo UBND tỉnh gửi Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính theo quy định tại Điều 15, Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

5. Các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường chuyên ngành thuộc ngành, lĩnh vực quản lý trình UBND tỉnh khi có yêu cầu.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh trong công tác phối hợp thực hiện nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo và báo cáo giá thị trường địa phương

1. Sở Tài chính tổ chức triển khai công tác tổng hợp, phân tích, dự báo và báo cáo giá thị trường. Cung cấp, chia sẻ báo cáo về tình hình giá cả thị trường tại địa phương; thông tin dữ liệu về giá trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá theo quy định và các thông tin về chính sách tài khóa có liên quan theo quy định; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong điều hành kinh tế - xã hội của địa phương; tham gia với các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh trong công tác điều hành giá thuộc thẩm quyền quản lý của các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực.

2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam-Chi nhánh Thừa Thiên Huế cung cấp thông tin về: tình hình điều hành chính sách tiền tệ, thị trường ngoại hối (Đô la Mỹ) của Trung ương; phân tích đánh giá về diễn biến lạm phát cơ bản trên địa bàn địa phương.

3. Cục Thống kê tỉnh Thừa Thiên Huế công bố chỉ số giá tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Cung cấp các thông tin về tình hình kinh tế của địa

phương và trong nước; tổng quan thị trường giá cả, phân tích chỉ số giá tiêu dùng; dự báo tình hình kinh tế địa phương và trong nước; đề xuất giải pháp ổn định phát triển kinh tế của địa phương, kiểm soát lạm phát trên địa bàn tỉnh; chia sẻ với Sở Tài chính quyền số của các nhóm hàng hóa và dịch vụ chính trong tính toán chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá sản xuất, chỉ số giá xuất nhập khẩu hàng hóa, các hệ thống chỉ tiêu quốc gia khác.

4. Các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh tổ chức triển khai công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý. Cung cấp thông tin về cơ chế chính sách, tình hình thực hiện công tác quản lý, điều tiết giá thuộc thẩm quyền và các thông tin khác (nếu có) gồm: diễn biến cung cầu, thị trường giá cả tại địa phương và trong nước các mặt hàng trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá và một số hàng hóa, dịch vụ quan trọng thuộc lĩnh vực quản lý; trong đó bảo đảm cung cấp, chia sẻ các thông tin chính như sau:

a) Sở Công Thương cung cấp thông tin về tình hình thị trường hàng hóa, cung cầu trên địa bàn tỉnh và trong nước, tình hình sản xuất, xu hướng diễn biến giá, công tác quản lý, điều hành giá các mặt hàng xăng dầu, điện, than, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), thép; tình hình quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cung cấp thông tin về tổng thể nguồn cung, tình hình sản xuất, công tác quản lý, điều hành giá và diễn biến giá các mặt hàng thóc, gạo, thực phẩm (đường, muối ăn, ...), lợn hơi, thịt lợn, thức ăn chăn nuôi, vật tư nông nghiệp quan trọng; tình hình quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý.

c) Sở Giao thông vận tải cung cấp thông tin về công tác quản lý, điều hành giá và diễn biến giá các mặt hàng dịch vụ trông giữ xe; Dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ; Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi; Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch, Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa - đường biển; tình hình quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý.

d) Sở Y tế cung cấp thông tin về diễn biến giá cả thị trường mặt hàng thuốc phòng, chữa bệnh cho người; diễn biến giá và tình hình thực hiện lộ trình giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập; công tác quản lý kê khai giá: thuốc chữa bệnh cho người, thiết bị y tế, thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi; tình hình quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý.

đ) Sở Giáo dục và Đào tạo cung cấp thông tin về công tác quản lý, điều hành giá và diễn biến giá các mặt hàng dịch vụ giáo dục, đào tạo (học phí); tình hình quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý.

e) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cung cấp thông tin về công tác quản lý, điều hành giá các mặt hàng dịch vụ giáo dục nghề nghiệp (không bao gồm trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm); các dịch vụ kiểm định kỹ thuật máy móc, thiết bị vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, tình hình quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý.

g) Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp thông tin về công tác quản lý, điều hành giá đất, tài nguyên, khoáng sản thuộc phạm vi quản lý; tình hình quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý.

h) Sở Xây dựng cung cấp thông tin về tình hình thị trường, diễn biến giá các mặt hàng xi măng, vật liệu xây dựng quan trọng; tình hình quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý; cung cấp thông tin về bất động sản mua, bán, cho thuê, nhà ở xã hội cho thuê, mua theo quy định về pháp luật về nhà ở và pháp luật về kinh doanh bất động sản.

i) Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp thông tin về công tác quản lý, điều hành giá và tình hình thị trường, diễn biến giá mặt hàng dịch vụ bưu chính, viễn thông; tình hình quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý. Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các Cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực khác thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến các thông tin về quản lý, điều hành giá.

k) Sở Du lịch cung cấp thông tin về công tác quản lý, điều hành giá và tình hình thị trường, diễn biến giá mặt hàng dịch vụ lưu trú; tình hình quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý.

Mục 6. KIỂM TRA VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT VỀ GIÁ, THẨM ĐỊNH GIÁ

Điều 17. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá

1. Sở Tài chính

a) Kiểm tra các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện về việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá được UBND tỉnh phân công tại Quyết định này;

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh

a) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc;

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá của cơ

quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực theo phân công của UBND tỉnh tại Điều 9, Điều 12 Quyết định này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

Mục 7. CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ GIÁ

Điều 18. Xây dựng cơ sở dữ liệu về giá

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan xây dựng cơ sở dữ liệu giá tại địa phương, đảm bảo tập hợp thông tin, dữ liệu của giá hàng hóa, dịch vụ dưới dạng điện tử, được chuẩn hóa, số hóa, lưu trữ, quản lý, sắp xếp, tổ chức, truy cập, khai thác thông qua phương tiện điện tử theo quy định tại Luật Giá, Nghị định 85/2024/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. Đồng thời phải được kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

2. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổ chức việc quản trị, điều hành toàn bộ hoạt động của hệ thống Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương đảm bảo kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

3. Việc xây dựng, quản lý, quản trị, điều hành toàn bộ hoạt động của hệ thống Cơ sở dữ liệu giá tại địa phương phải đảm bảo yêu cầu, quy định tại Luật Giá, Nghị định 85/2024/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

4. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; UBND cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông trong quá trình xây dựng Cơ sở dữ liệu giá tại địa phương./.

Phụ lục I
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN GIÁ
(Kèm theo Quyết định số 69/2024/QĐ-UBND ngày 03/10/2024
của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

Stt	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan chuyên môn Thẩm định phương án giá
I	Định khung giá	
1	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông Vận tải
2	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
II	Định giá tối đa	
3	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Sở Giao thông Vận tải
4	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Sở Giao thông Vận tải
5	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (<i>áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt</i>)	Sở Tài nguyên và Môi trường
6	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Sở Tư pháp
7	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông Vận tải
8	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông Vận tải
9	Dịch vụ sử dụng cảng cá được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
III	Định giá cụ thể	
10	Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
11	Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
12	Nước sạch	Sở Xây dựng chủ trì; Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn phối hợp
13	Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương	Cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh /UBND cấp huyện (nếu có)

14	Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập	Sở Y tế
15	Dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập	Sở Y tế
16	Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ	Sở Tài nguyên và Môi trường
17	Dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng
18	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (<i>áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân</i>)	Sở Tài nguyên và Môi trường
19	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước)	Sở Xây dựng
20	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Giao thông Vận tải
21	Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước	
	- Hạ tầng kỹ thuật đô thị - Hạ tầng dịch vụ viễn thông	Sở Xây dựng Sở Thông tin truyền thông
22	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước	Sở Công thương
IV	Định giá khác (khung giá, giá tối đa, giá cụ thể tùy dịch vụ)	
23	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ	Cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh/UBND cấp huyện (nếu có)

Phụ lục II
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TIẾP NHẬN KÊ KHAI GIÁ
(Kèm theo Quyết định số 69/2024/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2024
của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan chuyên môn tiếp nhận kê khai giá
A	Hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên phạm vi cả nước	
I	Hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá	
1	Xăng, dầu thành phẩm	Sở Công thương
2	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	Sở Công thương
3	Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi	Sở Y tế
4	Thóc tẻ, gạo tẻ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Phân đạm; phân DAP; phân NPK	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7	Vắc-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
8	Thuốc bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
II	Hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu để các tổ chức định mức giá cụ thể bán cho người tiêu dùng	
1	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Sở Giao thông Vận tải
2	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông Vận tải
3	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông Vận tải
4	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông Vận tải
5	Dịch vụ sử dụng cảng cá được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Sở Giao thông Vận tải

8	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (<i>áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt</i>)	Sở Tài nguyên và Môi trường
9	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Sở Tư pháp
10	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ	Cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh/UBND cấp huyện (nếu có)
III	Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác do Chính phủ ban hành	
1	Xi măng	Sở Xây dựng
2	Nhà ở, nhà chung cư	Sở Xây dựng
3	Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư ngoài nguồn ngân sách nhà nước (giá thuê):	
	- Hạ tầng đô thị	Sở Xây dựng
	- Hạ tầng dịch vụ viễn thông	Sở Thông tin truyền thông
4	Thép xây dựng	Sở Công thương
5	Than	Sở Công thương
6	Etanol nhiên liệu không biến tính	Sở Công thương
7	Khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG)	Sở Công thương
8	Thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
10	Muối ăn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
11	Dịch vụ tại cảng biển khác ngoài hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá	Sở Giao thông vận tải
12	Dịch vụ vận chuyển hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng, ghế ngồi mềm	Sở Giao thông vận tải
13	Dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ	Sở Giao thông vận tải
14	Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi	Sở Y tế
15	Thiết bị y tế	Sở Y tế
16	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	Sở Y tế
17	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân	Sở Y tế

B	Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương (áp dụng linh hoạt nếu cần thiết): Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ yêu cầu, mục tiêu quản lý, tình hình thực tế tại địa phương để lựa chọn tiếp nhận kê khai giá trong số danh mục những hàng hóa dịch vụ sau:	
1	Dịch vụ lưu trú	Sở Du lịch
2	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước	UBND cấp huyện
3	Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn	Sở Du lịch
4	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	Sở Giao thông Vận tải
5	Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch	Sở Giao thông Vận tải
6	Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa - đường biển	Sở Giao thông Vận tải
7	Vật liệu xây dựng: đất đắp nền, san lấp; đá; cát; sạn và VLXD chủ yếu khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước)	Sở Xây dựng
8	Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Dịch vụ kinh doanh nước khoáng nóng	Sở Tài nguyên và Môi trường